

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 03
2. Báo cáo kiểm toán	04 - 05
3. Báo cáo tài chính niên độ 2009	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy tiền thân là Công ty Chăn nuôi Thú y Cai Lậy được thành lập vào tháng 06/1990 trên cơ sở sáp nhập Trạm thú y huyện Cai Lậy và Liên hiệp Xí nghiệp chăn nuôi huyện Cai Lậy. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã trải qua một số thay đổi như sau:

- Ngày 24/06/1998 Công ty Chăn nuôi Thú y Cai Lậy được sáp nhập vào Xí nghiệp Dược Thú y Tiền Giang theo Quyết định số 1703/1998QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) tỉnh Tiền Giang.
- Ngày 25/08/1998 Xí nghiệp Dược Thú y Tiền Giang được đổi tên thành Công ty Chăn nuôi Thú y Cai Lậy với tên giao dịch là MEKOVET theo Quyết định số 2290/QĐ-UB của UBND tỉnh Tiền Giang.
- Ngày 11/11/2002 UBND tỉnh Tiền Giang ra Quyết định số 4630/QĐ.UB về việc chuyển đổi Công ty Chăn nuôi Thú y Cai Lậy từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ là 5.000.000.000 VND (Năm tỷ đồng); trong đó phần vốn góp của Nhà nước là 2.000.000.000 VND (Hai tỷ đồng) tương đương 40% Vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy, tên giao dịch là MEKOVET, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000014 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Tiền Giang cấp.

- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VND (Năm tỷ đồng)
- + Vốn thuộc cổ đông nhà nước: 2.000.000.000 VND (Hai tỷ đồng)
- + Vốn của các cổ đông khác: 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng)
- + Ngày 25/05/2006 được sự chấp thuận của UBND tỉnh Tiền Giang, Công ty đã thực hiện thành công việc bán đấu giá 40% vốn sở hữu của Nhà nước cho cổ đông bên ngoài.

Ngày 24/01/2008, Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy được Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai về việc đăng ký tăng Vốn điều lệ và bổ sung một số ngành, nghề kinh doanh.

- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VND (Mười lăm tỷ đồng)
- + Tổng số cổ phần: 1.500.000 cổ phần
- + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- + Số cổ phần cổ đông sáng lập đăng ký mua: 500.000 cổ phần.
- + Số cổ phần, loại cổ phần chào bán: 1.000.000 cổ phần, loại phổ thông.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 560 - Quốc lộ 1, khu 5, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, Tiền Giang.

- Chi nhánh:

+ Chi nhánh Hà Nội: Số 16, tổ 23, khu Ga, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, TP.Hà Nội.

- Địa điểm kinh doanh:

+ Cửa hàng thuốc thú y - thủy sản: Số 26 đường Ấp Bắc, phường 5, TP.Mỹ Tho, Tiền Giang.

+ Cửa hàng thuốc thú y - thủy sản: Số 560 - Quốc lộ 1, khu 5, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, Tiền Giang.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2. Ngành, nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc thú y.
- Sản xuất premix, dưỡng chất, thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản.
- Kinh doanh thuốc thú y.
- Kinh doanh premix, dưỡng chất, thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản.
- Kinh doanh nguyên vật liệu, bán thành phẩm, hóa chất, vaccin phục vụ ngành chăn nuôi thú y và thủy sản.
- Sản xuất con giống gia súc, gia cầm, thủy sản.
- Nuôi, trồng thủy, hải sản.
- Đánh bắt thủy, hải sản.
- Sản xuất, gia công, chế biến, hàng nông sản.
- Sản xuất, gia công, chế biến, hàng lâm sản.
- Sản xuất, gia công, chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ.
- Sản xuất, gia công hàng trang trí nội, ngoại thất, đồ gỗ.
- Kinh doanh hàng nông sản.
- Kinh doanh hàng lâm sản.
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ.
- Kinh doanh hàng trang trí nội, ngoại thất, đồ gỗ.
- Kinh doanh giống cây trồng.
- Kinh doanh phân bón.
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản (chỉ có giá trị đến 31/12/2008).

3. Ban điều hành tại thời điểm kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị:	
Ông Trần Văn Sê	Chủ tịch
Ông Đặng Minh Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Văn Thùy	Thành viên
Ông Trần Hoàng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Như Hải	Thành viên
Ban Giám đốc:	
Ông Trần Văn Sê	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4. Sơ lược kết quả kinh doanh trong kỳ (Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập	27.424.119.817	26.854.349.881
Tổng chi phí	25.829.936.748	25.880.206.844
Lợi nhuận sau thuế	1.594.183.069	974.143.037

5. Các thông tin cơ bản khác

Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy được lập, Ban Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản nào của Công ty đã được xác định phù hợp với thực tế hiện hữu của tài sản đó vào thời điểm kết thúc niên độ.

Ban Giám đốc nhận thấy ngoài các vấn đề nêu trên, không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Dược Thú Y Cai Lậy.

6. Kiểm toán viên độc lập

Công Ty Kiểm Toán AS (ASCO) là kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009 của Công Ty Cổ Phần Dược Thú Y Cai Lậy.

Tiến Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tổng Giám đốc



Trần Văn Lê



AS AUDITING COMPANY

63 Vo Van Tan St., Ward 6, Dist.3, HCM City

Tel : (84.8) 39301277 - 39301278 Fax : (84.8) 39301395

E-mail: ktas@vnn.vn website: www.asco.com.vn

Số: 053.03.10/AS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2009
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Dược Thú Y Cai Lậy gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Quý Công ty từ trang 06 đến trang 23.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Quý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở của việc kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt Nam về Chế độ kế toán và kiểm toán, phù hợp với các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế cùng với những Thông lệ kiểm toán được Nhà nước Việt Nam chấp nhận.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và các công bố trên các báo cáo tài chính nói trên. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Giám đốc của Quý Công ty, về sự phù hợp của các nguyên tắc, phương pháp tính và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009, được soạn thảo phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Giám đốc



Võ Phan Sĩ

Chứng chỉ KTV số: 0330/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Kiểm toán viên

Lê Thị Thu Hương

Chứng chỉ KTV số: 1255/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.562.457.668	18.717.172.310
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.086.983.280	843.454.541
Tiền	111		1.086.983.280	843.454.541
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.411.677.682	10.341.990.167
Phải thu khách hàng	131	V.2	12.318.988.520	10.019.328.194
Trả trước cho người bán	132		11.880.000	40.000.000
Các khoản phải thu khác	135	V.3	280.809.162	313.845.780
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.4	(1.200.000.000)	(31.183.807)
Hàng tồn kho	140	V.5	4.696.077.600	6.554.507.499
Hàng tồn kho	141		4.696.077.600	6.554.507.499
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		367.719.106	977.220.103
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.000.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.696.900	14.337.775
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		14.858.712	9.874.307
Tài sản ngắn hạn khác	158		340.163.494	953.008.021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.350.165.583	3.349.665.229
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		3.350.165.583	3.349.665.229
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.625.621.746	1.737.325.229
<i>Nguyên giá</i>	222		5.811.575.719	5.793.513.452
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.185.953.973)	(4.056.188.223)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.572.260.000	1.612.340.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.662.500.000	1.662.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(90.240.000)	(50.160.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	152.283.837	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.912.623.251	22.066.837.539

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
NỢ PHẢI TRẢ	300		9.038.372.892	10.972.937.749
Nợ ngắn hạn	310		8.118.606.551	9.462.588.177
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	3.880.000.000	5.977.000.000
Phải trả người bán	312	V.10	2.640.577.151	2.672.314.480
Người mua trả tiền trước	313	V.11	54.953.498	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	147.024.682	53.103.957
Phải trả người lao động	315		161.590.612	4.788.332
Chi phí phải trả	316	V.13	354.023.620	22.394.708
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	880.436.988	732.986.700
Nợ dài hạn	330		919.766.341	1.510.349.572
Vay và nợ dài hạn	334	V.15	899.721.500	1.499.721.500
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		20.044.841	10.628.072
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.874.250.359	11.093.899.790
Vốn chủ sở hữu	410	V.16	11.839.492.112	11.042.723.348
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		185.931.558	57.909.977
Quỹ dự phòng tài chính	418		59.377.485	10.670.333
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.594.183.069	974.143.038
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.758.247	51.176.442
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		34.758.247	51.176.442
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.912.623.251	22.066.837.539

Tiền Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng



Trần Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Trần Văn Lê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	28.327.828.285	27.014.954.181
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.031.047.987	321.670.349
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		27.296.780.298	26.693.283.832
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.243.236.370	16.493.343.645
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11.053.543.928	10.199.940.187
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	78.399.773	116.327.376
Chi phí tài chính	22	VI.2	1.797.731.662	3.131.317.164
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		539.099.820	1.062.660.798
Chi phí bán hàng	24	VI.2	4.984.167.427	4.844.215.833
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	2.614.826.143	1.266.830.930
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.735.218.469	1.073.903.583
Thu nhập khác	31	VI.1	48.939.746	44.738.673
Chi phí khác	32	VI.2	26.096.574	3.286.394
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		22.843.172	41.452.279
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.758.061.641	1.115.355.862
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		163.878.572	141.212.825
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		1.594.183.069	974.143.037
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.594,18	974,14

Tiền Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng



Trần Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc




Trần Văn Lê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.758.061.641	1.115.355.862
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	445.264.453	435.145.093
- Các khoản dự phòng	03	1.168.816.193	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(116.327.376)
- Chi phí lãi vay	06	539.099.820	1.062.660.793
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.911.242.107	2.496.834.377
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.624.002.711)	(1.902.433.228)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.858.429.899	(2.790.741.168)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	699.455.359	(2.281.177.427)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(5.000.000)	34.199.200
Tiền lãi vay đã trả	13	(539.099.820)	(1.062.660.798)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(100.898.788)	(138.207.976)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	160.310.538	156.471.313
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(974.143.038)	(117.983.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.386.293.546	(5.605.698.902)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(445.764.807)	(129.106.090)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	25.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	116.327.376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(445.764.807)	12.221.286
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	3.650.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu.	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.755.000.000	13.791.221.500
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.452.000.000)	(11.232.849.600)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.697.000.000)	6.208.371.900

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	243.528.739	614.894.284
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	843.454.541	228.560.257
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	1.086.983.280	843.454.541

Tiền Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng



Trần Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Trần Văn Lê

